

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 10 -2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thượng;

2. Ông Tạ Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị S, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, ấp 5, xã Suối Ng, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã Suối D, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn H sống chung và có đăng ký kết hôn năm 1992 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Suối Ng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Có 04 con chung là Võ Thị Tuyết Mai, sinh ngày 23/3/1993; Võ Thị Tuyết Duyên, sinh ngày 25/5/1994; Võ Văn Khánh, sinh ngày 27/8/1998; Võ Thị Tuyết Thủy, sinh ngày 27/8/1998, hiện các con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Bị đơn anh Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tông đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị S đối với anh Võ Văn H.

Chị Trương Thị S được ly hôn anh Võ Văn H.

Về con chung: Có 04 con chung là Võ Thị Tuyết Mai, sinh ngày 23/3/1993; Võ Thị Tuyết Duyên, sinh ngày 25/5/1994; Võ Văn Khánh, sinh ngày 27/8/1998; Võ Thị Tuyết Thủy, sinh ngày 27/8/1998, hiện các con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng, căn cứ vào Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh Võ Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do căn

cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị S và anh Võ Văn H sống chung có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị S cho rằng mâu thuẫn là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không quan tâm cho gia đình. Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày. Qua xác minh được phương được người dân cung cấp như sau: Chị S và anh H sống tại địa phương không hạnh phúc do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Xét thấy mâu thuẫn đã đi đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 04 con chung là Võ Thị Tuyết Mai, sinh ngày 23/3/1993; Võ Thị Tuyết Duyên, sinh ngày 25/5/1994; Võ Văn Khánh, sinh ngày 27/8/1998; Võ Thị Tuyết Thủy, sinh ngày 27/8/1998, hiện các con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trương Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị S trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 ; Khoản 2, Điều 227 và Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử chị Trương Thị S được ly hôn anh Võ Văn H.

2. Về nuôi con chung: Có 04 con chung là Võ Thị Tuyết Mai, sinh ngày 23/3/1993; Võ Thị Tuyết Duyên, sinh ngày 25/5/1994; Võ Văn Khánh, sinh ngày 27/8/1998; Võ Thị Tuyết Thủy, sinh ngày 27/8/1998, hiện các con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trương Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị S trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị Trương Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Trương Thị S đã nộp theo biên lai thu số 0002046 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Trương Thị S và anh Võ Văn H biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn